

QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN - CHI NHÁNH VĨNH LONG

Cao Hồng Sơn và Nguyễn Ngọc Minh*

Trường Đại học Tây Đô

(*Email: nminhtsls@gmail.com)

Ngày nhận: 01/12/2022

Ngày phản biện: 26/02/2023

Ngày duyệt đăng: 20/4/2023

TÓM TẮT

Mục tiêu của nghiên cứu là tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị rủi ro tín dụng và đề xuất giải pháp quản trị tại Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long. Dữ liệu của nghiên cứu được thu thập bằng phương pháp thảo luận nhóm và khảo sát trực tiếp 79 nhà quản lý, chuyên viên khách hàng có liên quan đến cấp tín dụng tại Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long. Các phương pháp phân tích được sử dụng bao gồm phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê mô tả và phương pháp tham vấn chuyên gia. Kết quả nghiên cứu cho thấy ba nhóm rủi ro ảnh hưởng đến quản trị rủi ro tín dụng tại Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long là nguyên nhân khách quan, nguyên nhân từ phía khách hàng, và nguyên nhân từ phía Ngân hàng. Từ đó, một số giải pháp được đề xuất đối với từng nhóm nhằm hạn chế rủi ro tín dụng và nâng cao hoạt động quản trị rủi ro tín dụng tại Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long là Nhận diện và phân loại rủi ro tín dụng, Xây dựng chính sách tín dụng phù hợp với mức rủi ro tín dụng thấp, Kiểm soát rủi ro tín dụng, Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Hiện đại hoá công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh tín dụng.

Từ khóa: Quản trị, rủi ro tín dụng, Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long

Trích dẫn: Cao Hồng Sơn và Nguyễn Ngọc Minh, 2023. Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Vĩnh Long. Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô. 17: 1-23.

*TS. Nguyễn Ngọc Minh – Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Tây Đô

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nợ xấu đối với hệ thống ngân hàng là một trong những yếu tố lớn cản trở dòng luân chuyển vốn, tác động đến sự ổn định tài chính và sự lành mạnh của các ngân hàng thương mại (NHTM). Khi nợ xấu đủ lớn sẽ gây ách tắc trong hệ thống tài chính và nền kinh tế, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã điều hành chính sách tiền tệ nhằm kiểm soát chặt vấn đề tăng trưởng tín dụng của ngành ngân hàng. Hàng năm NHNN giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cụ thể cho từng ngân hàng được xem là một trong những công cụ điều tiết để giảm thiểu rủi ro tín dụng (RRTD) của Chính phủ. Tuy nhiên, trong phát triển nền kinh tế thì cần tăng trưởng tín dụng kèm theo RRTD trong hệ thống ngân hàng là điều không tránh khỏi. Hiện nay nguồn thu của các NHTM đã mở rộng khá đa dạng và phong phú như tín dụng, thanh toán và ngân quỹ, kinh doanh tiền tệ, dịch vụ kinh doanh bảo hiểm... tỷ trọng thu ngoài lãi đã nâng cao hơn. Tuy nhiên, với đặc thù trung gian tài chính trong hoạt động kinh doanh ngân hàng thì mảng tín dụng vẫn là mảng kinh doanh chủ chốt của ngân hàng, đồng thời hoạt động tín dụng tiềm ẩn rất nhiều rủi ro gây ra tổn thất về tài chính, trong trường hợp nghiêm trọng có thể làm cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng bị thua lỗ, nghiêm trọng hơn có thể đưa ngân hàng đến bờ vực phá sản. RRTD luôn đóng vai trò chi phối sức khỏe và hoạt động của Ngân hàng, cho nên RRTD cần được quản lý và kiểm soát trong giới hạn cho phép nhằm giảm thiểu tổn thất, góp phần nâng cao uy tín và tạo ra lợi thế cạnh tranh

của ngân hàng, giúp các ngân hàng tăng trưởng bền vững.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank) luôn luôn đẩy mạnh phát triển mảng tín dụng trên thị trường nhằm tăng cường sự hiện diện, gia tăng thị phần và nâng cao sức cạnh tranh của Ngân hàng. Hoạt động tín dụng tại Chi nhánh Vĩnh Long đã có những tiến bộ vượt bậc và đạt những thành tựu đáng khích lệ, chất lượng tín dụng ngày càng cao và hướng đến các chuẩn mực quốc tế. Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long cũng rất chú trọng đến việc xây dựng và phát triển hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ để kiểm soát RRTD, giảm thiểu nợ xấu và tăng lợi nhuận. Tuy nhiên, đi đôi với cuộc đua tăng trưởng tín dụng để mở rộng thị phần và tăng nguồn thu nhập, việc cấp tín dụng cũng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro và để lại những hậu quả nhất định, tỷ lệ nợ quá hạn giảm qua các năm từ 0,97% trên tổng dư nợ vào năm 2018 đến năm 2020 tỷ lệ nợ quá hạn chỉ còn 0,4%, tuy nhiên tỷ lệ này đã tăng trở lại 0,56% vào năm 2021, qua đó cho thấy việc kiểm soát RRTD chưa được quan tâm đúng mức, kết quả kiểm soát chưa được như mong đợi. Mặc dù hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của Ngân hàng ngày càng được hoàn thiện nhưng thực trạng phát sinh nợ xấu các năm qua đã cho thấy thiếu sót của hệ thống chấm điểm này. Một số vấn đề quan trọng được đặt ra đối với Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long cần phải giải quyết như hoạt động quản trị RRTD thật sự có hiệu quả? Các yếu tố nào ảnh hưởng đến quản trị RRTD? Cần những giải pháp gì để nâng cao công tác quản trị RRTD?

Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến RRTD và Quản trị RRTD tại Ngân hàng là vấn đề khá phức tạp, vì vậy nhằm xác định phạm vi lý thuyết phù hợp làm nền tảng cho nghiên cứu của đề tài này, tác giả dựa vào các công trình nghiên cứu trước đây, có sự kế thừa. Một số nghiên cứu tiêu biểu cụ thể như sau:

Nguyễn Tuấn Anh (2012) trong nghiên cứu quản trị rủi ro trong kinh doanh của NHTM Việt Nam theo Hiệp ước Basel II đã đưa ra các dấu hiệu cơ bản để nhận biết RRTD Việt Nam, bao gồm nhóm các dấu hiệu phát hiện và cảnh báo sớm rủi ro và nhóm các yếu tố nhận diện rủi ro, cũng như cách đo lường RRTD. Tác giả đã chỉ ra rất nhiều hạn chế trong quản trị RRTD của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) như mô hình quản trị rủi ro còn nhiều lác hậu, hệ số an toàn vốn (CAR) thấp so với các NHTM quốc doanh khác, cơ cấu vốn chủ sở hữu thấp, hệ thống đánh giá chấm điểm khách hàng chưa đánh giá đúng khả năng khách hàng, còn mang tính hình thức, công tác phân loại nợ chưa thực hiện đầy đủ và chưa đúng; trích lập dự phòng rủi ro chưa thực sự hoàn hảo. Đồng thời, đã đưa ra khuyến nghị về tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro của Agribank cũng như đề xuất nhấn mạnh Agribank cần phải nhanh chóng thay đổi mô hình quản trị RRTD, thành lập ủy ban quản trị rủi ro, phân công lại chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị, xây dựng hệ thống báo cáo theo chuẩn quốc tế.

Phước Minh Hiệp và Kiên Xanh (2019) đã đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng tại NHTM cổ phần Công thương Việt Nam

(VietinBank) Trà Vinh. Tác giả đã đánh giá trong hoạt động tín dụng, công tác quản trị RRTD có vai trò rất quan trọng, giúp Ngân hàng quản lý tốt nguồn vốn cho vay, đảm bảo số tiền cho vay được an toàn và hiệu quả. VietinBank Trà Vinh đã tích cực triển khai công tác quản trị RRTD và đạt được một số kết quả khả quan. Tuy nhiên, quy trình cấp tín dụng còn bất cập, hệ thống thông tin tín dụng còn hạn chế, công tác xử lý thu hồi nợ xấu còn tồn tại những mặt hạn chế. Từ đó tác giả đã đưa ra các nhóm giải pháp cải tiến trong thời gian tới như Nhận diện rủi ro tín dụng, Kiểm soát RRTD, Đo lường RRTD, Tài trợ RRTD.

Lê Thu Hương (2019) trong đánh giá về hoạt động quản trị rủi ro tín dụng tại NHTM Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank), tác giả kết luận hoạt động quản trị RRTD tại VPBank dựa trên các nhân tố Quy mô Ngân hàng, Chính sách kinh tế vĩ mô, Sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương, Nguồn nhân lực tín dụng Ngân hàng, Hệ thống tổ chức hoạt động tín dụng Ngân hàng, Uy tín khách hàng, Khả năng trả nợ.

Nghiên cứu của Phan Đình Khôi và Nguyễn Việt Thành (2017) phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến RRTD thông qua mô hình logit nhị thức và logit đa thức. Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình logit đa thức cho phép giải thích tốt hơn mô hình logit nhị thức. Cụ thể tác giả chia 5 nhóm nợ thành 3 mức độ như: Rủi ro mức 0 là mức không rủi ro thuộc nợ nhóm 1 và nhóm 2; Rủi ro mức 1 có nợ nhóm 3 và nhóm 4; Rủi ro mức 2 có nợ nhóm 5. Với việc chia 5 nhóm thành 3 mức độ rủi ro để giải thích cụ thể cho từng mức độ

rủi ro, tác giả kết luận tại mỗi mức độ rủi ro như sau: (1) Ở mức độ rủi ro 1, các yếu tố ảnh hưởng đến RRTD gồm tài sản bảo đảm, sử dụng vốn vay, lịch sử vay vốn của khách hàng, ngành nghề chính tạo ra thu nhập và kiểm tra giám sát vốn vay; (2) Ở mức độ rủi ro 2, các yếu tố có ý nghĩa bao gồm tài sản bảo đảm, sử dụng vốn vay, lịch sử vay vốn của khách hàng, ngành nghề chính tạo ra thu nhập, kiểm tra giám sát vốn vay, khả năng tài chính của khách hàng và kinh nghiệm của cán bộ tín dụng. Qua đó tác giả đã chỉ ra, mô hình logit đa thức được thực hiện tốt hơn logit nhị phân, cụ thể là ở mô hình logit đa thức đã đi vào phân tích sâu hơn từng nhóm mức độ rủi ro và cho thấy thêm ở mức độ rủi ro 2 (mức độ rủi ro cao hơn) có bị ảnh hưởng bởi nhân tố khả năng tài chính của khách hàng và kinh nghiệm của cán bộ tín dụng trong khi mô hình logit nhị phân không cho kết quả ý nghĩa. Thông qua sự khác biệt đó mô hình logit đa thức đã hỗ trợ đưa ra các giải pháp về quản lý rủi ro và các gợi ý chính sách để giúp giảm nhẹ RRTD.

Dương Kiện Văn và ctv., (2021) với nghiên cứu Hoàn thiện quản trị rủi ro, tín dụng tại NHTM Cổ phần Sài Gòn - Chi nhánh Cần Thơ (SCB Cần Thơ) từ phân tích một dự án đầu tư thuộc Nhà máy chế biến thủy sản An Phước. Số liệu được thu thập qua phỏng vấn chuyên sâu 50 lãnh đạo tại Chi nhánh và các phòng giao dịch (PGD) trực thuộc SCB Cần Thơ. Từ thực tế dự án đầu tư Nhà máy chế biến thủy sản An Phước, trên cơ sở phân tích, đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu và bài học kinh nghiệm, phân tích những nguyên nhân ảnh hưởng đến việc hoàn

thiện quản trị RRTD, nhóm tác giả đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm hoàn thiện quản trị RRTD tại Ngân hàng này: (1) Hoàn thiện mô hình chấm điểm, xếp hạng tín dụng, (2) Hoàn thiện công cụ, biện pháp kỹ thuật kiểm soát RRTD, (3) Thiết lập và quản lý các hạn mức tín dụng nhằm giảm thiểu rủi ro, (4) Thiết lập quy trình cấp tín dụng rõ ràng, hạn chế và ngăn ngừa rủi ro do yếu tố con người.

Phan Thị Hoàng Yến (2021) đã nghiên cứu các khó khăn trong quản lý rủi ro hoạt động tại NHTM Việt Nam. Tác giả nhận thấy cùng với sự thay đổi theo chiều hướng xấu của các yếu tố tự nhiên có tác động đến tất cả các hoạt động của NHTM, đòi hỏi công tác quản lý rủi ro hoạt động Ngân hàng ngày càng phải chú trọng, phải xác định quản trị rủi ro là một trong các công việc quan trọng trong quá trình phát triển của mình và cần phải theo đúng chuẩn mực quốc tế. Nhận thức được vấn đề này, NHNN đã ban hành Thông tư 41/2016/TT-NHNN quy định tỷ lệ an toàn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, các NHTM sẽ phải duy trì mức vốn tự có tối thiểu dựa trên cơ sở vốn yêu cầu tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng, vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động và vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường. Ngoài ra, NHNN còn ban hành Thông tư 13/2018/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Tuy nhiên, thực tế các NHTM gặp rất nhiều khó khăn khi quản lý rủi ro hoạt động theo các quy định trên. Tác giả chỉ ra những khó khăn mà các NHTM gặp phải trong công tác quản lý rủi ro hoạt động như cán bộ ngân hàng đùn đẩy trách

nhệm cho nhau, ngân hàng chưa đầu tư nguồn nhân lực và giao thẩm quyền tương xứng, ngân hàng luôn cập nhật hệ thống mới nên cũng gây khó khăn cho người dùng, gian lận từ chuyên viên và khách hàng, cơ sở dữ liệu và phân tích môi trường kinh doanh còn yếu,...

Với các vấn đề nêu trên, đề tài nghiên cứu cần thiết được thực hiện nhằm đánh giá hoạt động quản trị RRTD và các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị RRTD từ đó tìm ra các giải pháp nâng cao quản trị RRTD tại Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp kết hợp với dữ liệu sơ cấp. Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long. Dữ liệu sơ cấp được thu thập bằng phương pháp thảo luận nhóm và khảo sát trực tiếp 79 nhà quản lý, chuyên viên khách hàng (CVKH) có liên quan đến cấp tín dụng tại Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long. Nhóm tác giả sử dụng thang đo dạng Likert từ 1 đến 5 theo quy ước đánh giá mức độ tăng dần từ Rất thấp, Thấp, Trung bình, Cao, Rất cao để đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân gây ra RRTD tại Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long.

2.2. Phương pháp phân tích

Nghiên cứu tiếp cận theo phương pháp nghiên cứu định tính trên cơ sở thừa kế từ các công trình nghiên cứu trước như Lê Thu Hương (2019), Phước Minh Hiệp và Kiên Xanh (2019), Nguyễn Tuấn Anh (2012). Một số công cụ phân tích được sử

dụng để giải quyết mục tiêu nghiên cứu, bao gồm: phương pháp so sánh, phương pháp thống kê mô tả và phương pháp tham vấn chuyên gia.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long

Triển khai thực hiện thống nhất chính sách cấp tín dụng: Chính sách tín dụng trong từng thời điểm được triển khai cụ thể rõ ràng để làm kim chỉ nam cho cán bộ thực hiện. Nội dung nêu rõ lĩnh vực nào không được đầu tư và lĩnh vực nào cần ưu tiên đầu tư cho vay, quy định cụ thể lãi suất cho từng đối tượng vay, ưu tiên cho vay lãi suất thấp đối với nông nghiệp, nông thôn, quy định chặt chẽ đối với cho vay không có tài sản đảm bảo hoặc có tài sản đảm bảo một phần. Phân cấp, phân quyền cụ thể quyền phê duyệt cấp tín dụng từ Hội sở đến Chi nhánh rõ ràng.

Triển khai thực hiện nghiêm các quy trình cấp phát tín dụng: Sacombank triển khai thực hiện quy trình tín dụng trong toàn chi nhánh, tổ chức tập huấn tín dụng cho toàn thể cán bộ liên quan trong quá trình cấp tín dụng khi quy trình tín dụng có thay đổi. Các bước trong quá trình cấp tín dụng được quy định cụ thể, nhấn mạnh việc thẩm định kỹ các điều kiện cho vay, quy định chặt chẽ việc kiểm tra sau khi cho vay. Các điều kiện cần phải thẩm định thật kỹ để cho khách hàng vay:

- Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

- Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp.
- Có khả năng tài chính đảm bảo trả nợ trong thời hạn cam kết.

- Có dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ khả thi và có hiệu quả; hoặc có dự án đầu tư, phương án phục vụ đời sống khả thi và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Thực hiện các quy định đảm bảo tiền vay theo quy định của pháp luật (tài sản đảm bảo cho món vay).

Thực hiện chặt chẽ việc phân loại nợ: Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long thực hiện phân loại nợ bằng kết hợp 2 phương pháp là phương pháp định lượng và hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ.

Phân loại nợ theo phương pháp định lượng là căn cứ vào thời gian quá hạn để phân loại các khoản nợ, khoảng thời gian quá hạn để phân nhóm cụ thể như sau:

- Nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn): Nợ trong hạn hoặc quá hạn dưới 10 ngày.
- Nhóm 2 (nợ cần chú ý): Các khoản nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày.
- Nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn): Nợ quá hạn từ 91 đến 180 ngày.

- Nhóm 4 (nợ nghi ngờ): Nợ quá hạn từ 181 đến 360 ngày.

- Nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn): Nợ quá hạn trên 360 ngày.

Phân loại nợ bằng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ: là căn cứ vào việc chấm điểm các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính để xếp hạng khách hàng và phân loại nhóm nợ. Thông tin khách hàng nhập vào chương trình thì hệ thống máy tính tự chấm điểm, điểm cao thì khách hàng được phân vào nhóm nợ tốt và ngược lại; CVKH phải tuân thủ nghiêm ngặt việc cập nhật thông tin khách hàng để chấm điểm, vì chấm điểm càng chính xác thì việc phân loại nợ mới chính xác, giúp phát hiện nhanh những khoản nợ tiềm ẩn rủi ro, nợ xấu để kịp thời có biện pháp xử lý. Hai phương pháp phân loại nợ được thực hiện song song, nếu phương pháp nào phân khách hàng vào nhóm nợ cao hơn thì hệ thống máy tính tự chọn nhóm nợ cao nhất cho khách hàng. Ví dụ, theo phương pháp chấm điểm xếp hạng thì khách hàng A được xếp nhóm 3, nhưng theo lượng thời gian quá hạn thì khách hàng A mới chỉ xếp nhóm 2. Vậy nhóm nợ cuối cùng của khách hàng là nhóm 3.

Bảng 1. Chấm điểm xếp hạng tín dụng nội bộ (bao gồm định tính và định lượng) tại Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long

Phân nhóm nợ	Chấm điểm	Xếp hạng	Đánh giá
Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn)	> 90 điểm đến ≤ 100 điểm	AAA	Xuất sắc
	> 80 điểm đến ≤ 90 điểm	AA	Rất tốt
	> 75 điểm đến ≤ 80 điểm	A	Tốt
Nhóm 2 (Nợ cần chú ý)	> 70 điểm đến ≤ 75 điểm	BBB	Tương đối tốt
	> 65 điểm đến ≤ 70 điểm	BB	Trung bình
	> 60 điểm đến ≤ 65 điểm	B	Trung bình
Nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn)	> 56 điểm đến ≤ 60 điểm	CCC	Dưới tiêu chuẩn
	> 53 điểm đến ≤ 56 điểm	CC	Khả năng không thu hồi cao
Nhóm 4 (Nợ nghi ngờ)	> 45 điểm đến ≤ 53 điểm	C	Khả năng không thu hồi rất cao
Nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn)	> 20 điểm đến ≤ 45 điểm	D	Khả năng mất vốn

(Nguồn: Phòng Kiểm soát rủi ro - Chi nhánh Vĩnh Long)

Thực hiện chặt chẽ việc trích lập quỹ dự phòng RRTD

Sau khi phân loại các khoản nợ và trên cơ sở kết quả phân loại hàng quý, Ngân hàng sẽ tiến hành việc trích lập dự phòng RRTD theo tỷ lệ đã được Ngân hàng Nhà nước và của Sacombank quy định. Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long luôn trích đúng, trích đủ, và kịp thời nguồn dự phòng rủi ro theo kết quả phân loại nợ tại thời điểm trích lập dự phòng, phản ánh đầy đủ, trung thực chi phí hoạt động kinh doanh và bảo đảm an toàn, phát triển bền vững của Ngân hàng.

Thành lập Ban Ngăn chặn và xử lý nợ quá hạn

Tại Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long không được thành lập Hội đồng xử

lý RRTD mà chỉ được xem xét hồ sơ đề nghị được xử lý RRTD trình về Hội sở Ngân hàng Sacombank thông qua Trung tâm Xử lý nợ. Tại trụ sở Chi nhánh Vĩnh Long thành lập Ban Ngăn chặn và xử lý nợ quá hạn. Ban này có nhiệm vụ tổng hợp báo cáo phân loại nợ, kiểm tra hồ sơ và chịu trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ xử lý rủi ro; đề xuất các quyết định sử dụng dự phòng để xử lý RRTD, quyết định các biện pháp thu hồi nợ bao gồm cả việc xử lý tài sản đảm bảo. Mục đích cuối cùng là xử lý được các khoản nợ xấu, làm lành mạnh hóa tài chính Ngân hàng; họp hàng tháng ít nhất 1 lần/tháng và có trách nhiệm báo cáo về Khu vực Tây Nam Bộ và Trung tâm Xử lý nợ hàng tháng về tình hình nợ quá hạn của Đơn vị.

Thành lập Tổ Xử lý nợ tại các đơn vị phòng ban trực thuộc Chi nhánh

Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long thành lập các Tổ Xử lý nợ tại Trụ sở Chi nhánh và các PGD trực thuộc, do các trưởng phòng cá nhân và doanh nghiệp, trưởng PGD làm Tổ trưởng với các nhiệm vụ: phân tích, đánh giá thực trạng, nguyên nhân từng khoản nợ tiềm ẩn rủi ro, nợ xấu nội bảng, nợ đã xử lý rủi ro; xây dựng phương án xử lý thu hồi nợ; chỉ đạo các thành viên xử lý nợ chuyên trách trong tổ quản lý các khoản nợ bị suy giảm khả năng trả nợ, tăng cường xử lý và báo cáo tiến độ xử lý các khoản nợ xấu về hội sở; họp hàng tháng ít nhất 1-2 lần/tháng. Định kỳ hàng tháng báo cáo về cho Ban Giám đốc Chi nhánh qua buổi họp phân ban ngăn chặn và xử lý nợ quá hạn kịp thời.

Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ

Công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ do Phòng Kiểm soát rủi ro Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long phụ trách. Phòng KSRR luôn đặt ra yêu cầu là phải thường xuyên thực hiện kiểm tra các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, đặc biệt chú trọng công tác tín dụng và công tác phòng ngừa xử lý rủi ro thông qua các chuyên viên kiểm soát rủi ro và chuyên viên quản lý tín dụng. Hàng năm phòng kiểm soát rủi ro lên kế hoạch kiểm tra toàn diện các PGD trực thuộc, kiểm tra định kỳ hàng tháng, kiểm tra đột xuất PGD có nợ xấu tăng. Hàng ngày, kiểm tra thông tin khách hàng vay trên hệ thống máy tính, xem có

dấu hiệu bất thường thì cảnh báo. Tổng hợp theo dõi báo cáo sửa sai đối với các Chi nhánh có sai sót sau khi kiểm tra, đề xuất biện pháp xử lý cụ thể đối với các PGD không sửa sai theo kiến nghị của các đoàn kiểm tra. Ngoài việc thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát, các chuyên viên của phòng còn kiểm tra thường xuyên nhắc nhở CVKH phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình tín dụng, thường xuyên kiểm tra việc sử dụng vốn vay sau khi giải ngân nhằm kịp thời phát hiện dấu hiệu rủi ro để có hướng xử lý kịp thời.

3.2. Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng

Các nguyên nhân dẫn đến RRTD và mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân dẫn đến RRTD phát sinh tại Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long phân ra ba nhóm chính: (1) Khách quan; (2) Từ phía khách hàng; (3) Từ phía Ngân hàng. Kết quả khảo sát được thể hiện như sau:

3.2.1. Các nguyên nhân khách quan dẫn đến RRTD phát sinh

Yếu tố rủi ro khách quan dẫn đến RRTD phát sinh tại Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long được đánh giá qua 4 yếu tố: hệ thống pháp lý còn bất cập, thiếu chặt chẽ; các chính sách, cơ chế điều hành thị trường của Chính phủ; thiên tai, dịch bệnh, thất mùa, các rào cản đầu vào và đầu ra; môi trường kinh tế bất ổn (khủng hoảng, lạm phát, hội nhập,...). Kết quả đánh giá về mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân khách quan đến RRTD phát sinh tại Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long được trình bày trong Bảng 2.

Bảng 2. Mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân khách quan đến RRTD

Yếu tố		Mức độ đánh giá					Tổng
		1	2	3	4	5	
Hệ thống pháp lý còn bất cập, thiếu chặt chẽ	Tần số	0	5	9	44	21	79
	(%)	0,00	6,33	11,39	55,70	26,58	100
Các chính sách, cơ chế điều hành thị trường của Chính phủ	Tần số	0	3	10	43	23	79
	(%)	0,00	3,80	12,66	54,43	29,11	100
Thiên tai, dịch bệnh, thất mùa	Tần số	0	2	8	47	22	79
	(%)	0,00	2,53	10,13	59,49	27,85	100
Môi trường kinh tế bất ổn (khủng hoảng, lạm phát, hội nhập,...)	Tần số	0	0	10	44	25	79
	(%)	0,00	0,00	12,66	55,70	31,65	100

(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2022)

Kết quả đánh giá về mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân khách quan đến RRTD phát sinh tại Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long như sau:

Về hệ thống pháp lý còn bất cập, thiếu chặt chẽ

Các quy định bất cập, thiếu chặt chẽ, một quy định được hiểu theo nhiều hướng hoặc đặt vào các ngữ cảnh khác nhau đều có thể phù hợp hoặc có nhiều quy định khác nhau để xử lý một vấn đề dẫn đến tình trạng: Ngân hàng không thể xử lý được nợ, hoặc luật quy định Ngân hàng có quyền xử lý tài sản đảm bảo nợ vay khi khách hàng không trả được nợ nhưng thực tế Ngân hàng không làm được điều này vì Ngân hàng là một tổ chức kinh tế, không có chức năng cưỡng chế để xử lý,... Kết quả khảo sát ở Bảng 2 cho thấy, có 55,7% ý kiến được khảo sát đồng ý là hệ thống pháp lý còn bất cập, thiếu chặt chẽ là nguyên nhân dẫn đến RRTD cho Ngân hàng ở mức cao và 26,58% ý kiến

đồng ý mức rủi ro rất cao. Bên cạnh đó, có 11,39% ý kiến rủi ro ở mức trung bình và tỷ lệ ý kiến cho rằng mức độ rủi ro ở mức thấp là 6,33% và không có ý kiến cho rằng yếu tố này rủi ro rất ít.

Các chính sách, cơ chế điều hành thị trường của Chính phủ

Hoạt động kinh doanh của khách hàng luôn chịu tác động do thay đổi từ chính sách Nhà nước về lãi suất, điều hành kinh tế vĩ mô,... làm ảnh hưởng đến kinh doanh của khách hàng, từ đó ảnh hưởng đến khả năng trả nợ. Bên cạnh đó, các quy định của NHNN chưa thật sự chặt chẽ dẫn đến các TCTD cạnh tranh không lành mạnh như hạ tiêu chuẩn và các nguyên tắc an toàn trong cho vay, huy động dẫn đến rủi ro nhưng vẫn chưa có chế tài xử lý thích đáng,... hậu quả nợ xấu tăng và khó hoặc không thu hồi được nợ. Ngoài ra, hàng nhập lậu, hàng giả, hàng nhái,... chiếm lĩnh thị trường nhưng Nhà nước vẫn chưa có các chính sách, giải pháp ngăn chặn

triệt để gây ra các thiệt hại cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong nước và ảnh hưởng đến nền kinh tế,... Theo kết quả khảo sát, đây là các nguyên nhân có tỷ lệ cao gây ra RRTD tại Chi nhánh, kết quả khảo sát được trình bày ở Bảng 2 cho thấy, có 54,43% ý kiến được khảo sát đồng ý là các chính sách, cơ chế điều hành thị trường của Chính phủ chưa thỏa đáng sẽ là nguyên nhân dẫn đến RRTD cho Ngân hàng ở mức cao và 29,11% ý kiến đồng ý mức rủi ro rất cao. Bên cạnh đó, có 12,66% ý kiến rủi ro ở mức trung bình và tỷ lệ ý kiến cho rằng mức độ rủi ro ở mức thấp là 3,80%, không có ý kiến cho rằng yếu tố các chính sách, cơ chế điều hành thị trường của Chính phủ rủi ro rất ít.

Thiên tai, dịch bệnh, thất mùa

Thiên tai dịch bệnh bảo lụt diễn biến ngày càng phức tạp, các vấn đề môi trường như: biến đổi khí hậu, suy thoái đa dạng sinh học, suy thoái tài nguyên nước, suy thoái tầng ô zôn, suy thoái đất, ô nhiễm môi trường... Những vấn đề này ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống, hoạt động sản xuất kinh doanh gây ra nhiều tổn thất trong kinh doanh của khách hàng nói chung và khách hàng của Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long nói riêng, điển hình gần đây nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid-19, Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long buộc phải gia hạn vốn, gia hạn thời gian trả nợ hay cho vay tiếp để khách hàng vay có nguồn trả nợ bị ảnh hưởng. Cụ thể: tỷ lệ ý kiến được khảo sát đồng ý là yếu tố thiên tai, dịch bệnh, thất mùa,... đã dẫn đến RRTD cho Ngân hàng ở mức cao và rất cao lên đến 87,31% (trong đó có

27,85% ý kiến cho rằng là rủi ro rất cao). Bên cạnh đó cũng 10,13% ý kiến cho rằng rủi ro ở mức trung bình do có một số ít đối tượng khách hàng có hoạt động ít bị ảnh hưởng và tỷ lệ ý kiến cho rằng mức độ rủi ro ở mức thấp là 2,53% và không có ý kiến cho rằng yếu tố này rủi ro rất ít.

Môi trường kinh tế bất ổn (khủng hoảng, lạm phát, hội nhập sâu rộng,...)

Xã hội ngày càng phát triển, chất lượng cuộc sống của người dân ngày càng được nâng cao, vì vậy nhu cầu cao về chất lượng, sự tiện lợi, sự nhanh chóng khi sử dụng những sản phẩm nói chung và những dịch vụ tài chính nói riêng. Đặc biệt, trong điều kiện hội nhập và phát triển, tình hình cạnh tranh của hệ thống NHTM ngày càng khốc liệt có thể làm cho nợ xấu ngày càng gia tăng, khiến những khách hàng của Ngân hàng phải đối mặt với nguy cơ thua lỗ. Bên cạnh đó, khi nền kinh tế tăng trưởng và ổn định thì hoạt động tín dụng cũng sẽ tăng trưởng theo và ít rủi ro hơn. Ngược lại, khi nền kinh tế rơi vào suy thoái thì sản xuất kinh doanh của khách hàng bị thu hẹp hoặc đình trệ, dẫn tới thua lỗ và bị phá sản. Nếu Ngân hàng vẫn mạo hiểm tăng trưởng tín dụng ở mức cao thì khả năng rủi ro không thu được nợ sẽ tăng lên. Có thể thấy tác động của cuộc khủng hoảng tài chính 2008 tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gặp khó khăn, nhiều doanh nghiệp ngừng sản xuất và có các doanh nghiệp vỡ nợ, đặc biệt doanh nghiệp xuất khẩu và hiện tại tình hình lạm phát của các nước trên thế giới tăng mạnh, trong đó Việt Nam cũng không tránh khỏi sự ảnh hưởng này, tỷ giá thay đổi tăng nhanh, các chính sách tài chính,

tiền tệ cũng thay đổi nhanh chóng, đặc biệt là việc điều chỉnh lãi suất huy động cho vay đang tăng nhanh chóng, các doanh nghiệp sử dụng vốn vay và có hoạt động xuất khẩu gặp không ít khó khăn. Kết quả trình bày ở bảng 2 cho thấy, có 55,7% ý kiến được khảo sát đồng ý khi môi trường kinh tế bất ổn sẽ là nguyên nhân dẫn đến RRTD cho Ngân hàng ở mức cao và 31,65% ý kiến đồng ý mức rủi ro rất cao. Bên cạnh đó, có 12,66% ý kiến rủi ro ở mức trung bình và không có ý kiến cho rằng yếu tố Môi trường kinh tế bất ổn là có mức độ rủi ro ở mức thấp hoặc rất thấp.

3.2.2. Các nguyên nhân từ phía khách hàng dẫn đến RRTD phát sinh

Yếu tố rủi ro từ phía khách hàng dẫn đến RRTD phát sinh tại Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long được đánh giá qua 3 yếu tố: khả năng quản lý, hoạch định chiến lược kinh doanh kém; tình hình tài chính doanh nghiệp yếu kém, thiếu minh bạch, lừa đảo; sử dụng vốn sai mục đích, không có thiện chí trong việc trả nợ. Kết quả khảo sát đánh giá về mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân từ phía khách hàng ảnh hưởng đến RRTD phát sinh tại Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long được trình bày trong Bảng 3.

Bảng 3. Mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân khách quan đến RRTD

Yếu tố		Mức độ đánh giá					Tổng
		1	2	3	4	5	
Khả năng quản lý, hoạch định chiến lược kinh doanh kém	Tần số	2	6	15	43	13	79
	%	2,53	7,59	18,99	54,43	16,46	100
Tình hình tài chính khách hàng yếu kém, thiếu minh bạch, lừa đảo	Tần số		2	12	56	9	79
	%	-	2,53	15,19	70,89	11,39	100
Sử dụng vốn sai mục đích, không có thiện chí trong việc trả nợ	Tần số	3	4	14	48	10	79
	%	3,80	5,06	17,72	60,76	12,66	100

(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2022)

Kết quả đánh giá về mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân từ khách hàng dẫn đến RRTD phát sinh như sau:

Khả năng quản lý, hoạch định chiến lược kinh doanh kém

Chiến lược kinh doanh không được quản lý tốt sẽ ảnh hưởng đến nguồn trả nợ. Ngân hàng cho vay dựa trên kế hoạch, chiến lược kinh doanh vì đây là cơ sở chỉ ra nguồn trả nợ, tuy nhiên nếu sự quản lý

yếu kém, sẽ làm cho phương án kinh doanh có thể đi vào phá sản, ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng. Khách hàng vay vốn với mục đích mở rộng quy mô kinh doanh, đa phần tập trung vốn đầu tư vào tài sản vật chất và quên đi đổi mới nâng tầm các cấp quản lý tương xứng với quy mô. Từ đó, việc quản lý không tốt do quy mô kinh doanh lớn vượt tầm kiểm soát của cấp quản lý là một trong các nguyên nhân dẫn đến khách

hàng hoạt động không hiệu quả, thua lỗ, mặc dù phương án kinh doanh rất hiệu quả và khả thi. Bên cạnh đó, khả năng tiếp cận thị trường chưa tốt, do thay đổi của thị trường, biến động giá, tăng thuế, các hàng rào kỹ thuật... người vay vốn mua nguyên liệu đầu vào để sản xuất hay kinh doanh, đến khi sản xuất ra sản phẩm hay hàng hóa đã nhập về kho thì giá thị trường biến động giảm so với kế hoạch kinh doanh ban đầu làm cho khách hàng bị thua lỗ. Ngoài ra, việc khách hàng được nhiều tổ chức tín dụng cạnh tranh mời gọi vay vốn tuy nhiên khi vay vốn vượt nhu cầu và không kiểm soát tốt dòng tiền dẫn đến hiệu quả kinh doanh kém, bản thân mỗi Ngân hàng cho vay cũng khó kiểm soát không biết được tình hình trả nợ của khách hàng, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng các khoản tín dụng đã cấp. Kết quả trình bày ở bảng 3 cho thấy, có 54,43% ý kiến được khảo sát đồng ý khi khả năng quản lý, hoạch định chiến lược kinh doanh của người vay kém sẽ là nguyên nhân dẫn đến RRTD cho Ngân hàng ở mức cao và 16,46% ý kiến đồng ý đánh giá ở mức rủi ro rất cao. Bên cạnh đó, có 18,99% ý kiến cho rằng rủi ro ở mức trung bình và còn lại khoảng 10% có ý kiến cho rằng yếu tố này có mức độ rủi ro ở mức thấp hoặc rất thấp.

Tình hình tài chính khách hàng yếu kém, thiếu minh bạch, lừa đảo

Đối với các khách hàng, khi hồ sơ vay vốn cung cấp cho các cán bộ tín dụng thì đều có mục đích rõ ràng, phương án kinh doanh cụ thể và khả thi; còn các cá nhân thì kê khai đầy đủ mục đích vay và khả năng tài chính có khả năng trả nợ đúng hạn trong thời gian vay vốn. Tuy nhiên,

hầu hết các khách hàng trên địa bàn có quy mô vừa và nhỏ, nên việc ghi chép đầy đủ, chính xác, rõ ràng các sổ sách kế toán vẫn chưa được tuân thủ nghiêm chỉnh và trung thực. Do vậy, sổ sách kế toán hoặc các chứng từ cung cấp cho Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long khi đề nghị vay vốn nhiều khi chỉ mang tính chất hình thức và khá khác biệt so với thực tại, vì vậy khi phân tích tài chính dựa trên số liệu do khách hàng cung cấp, thường thiếu tính thực tế và xác thực. Điều này đã tạo nên rủi ro khi ra quyết định cho vay dựa trên đánh giá phân tích các báo cáo. Bên cạnh đó, RRTD do khách hàng cố ý lừa đảo cũng là điều không thể tránh khỏi do thủ đoạn khá tinh vi như ngụy tạo uy tín ban đầu vay trả tốt với số tiền nhỏ sau đó lập không phương án để vay số tiền lớn hơn; cầm cố hàng hóa trong kho, sau đó đổi hàng kém chất lượng hơn, rút ruột hàng đi bán nhưng không trả nợ; tạo ra các hồ sơ, tài liệu giả, hiện trường giả để chứng minh về hoạt động kinh doanh của mình; tạo bằng chứng giả làm vật thế chấp để vay vốn. Do đó, Ngân hàng không có căn cứ chính xác đáng tin cậy dựa vào thông tin khách hàng cung cấp mà phải dùng tài sản thế chấp làm chỗ dựa để phòng ngừa RRTD. Kết quả trình bày ở bảng 3 cho thấy, có 70,89% ý kiến được khảo sát đồng ý khi tình hình tài chính khách hàng yếu kém, thiếu minh bạch, hoặc cố ý lừa đảo là nguyên nhân dẫn đến RRTD cho Ngân hàng ở mức cao và 11,39% ý kiến đồng ý đánh giá ở mức rủi ro rất cao. Bên cạnh đó, có 15,19% ý kiến cho rằng rủi ro ở mức trung bình và còn lại khoảng 2,53% có ý kiến cho rằng yếu tố này có mức độ rủi ro ở mức thấp và không có ý kiến đồng ý ở mức rủi ro rất thấp.

Sử dụng vốn sai mục đích, không có thiện chí trong việc trả nợ

Đối với các hồ sơ vay vốn cung cấp cho các Cán bộ tín dụng thì đều có mục đích rõ ràng, phương án kinh doanh cụ thể và khả thi, có khả năng trả nợ đúng hạn trong thời gian vay vốn. Tuy nhiên, không ít khách hàng sau khi vay lại sử dụng vốn sai mục đích, không có thiện chí trả nợ làm phát sinh rủi ro cho các Ngân hàng trong việc thu hồi nợ vay. Hầu hết các khách hàng khi vay vốn Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long đều có phương án kinh doanh chi tiết, hiệu quả và đây là điều kiện tiên quyết Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long yêu cầu khách hàng trước khi xét trình cấp tín dụng. Để đảm bảo khả năng trả nợ theo như kế hoạch kinh doanh đã thẩm định, đòi hỏi khách hàng phải sử dụng nguồn vốn đã giải ngân vào đúng mục đích kinh doanh đã giải trình thì mới đảm bảo vòng quay vốn và dòng tiền thanh toán nợ cho Ngân hàng. Do vậy, sau khi giải ngân Chi nhánh luôn yêu cầu các cán bộ Ngân hàng phải trực tiếp xuống khảo sát, giám sát tình hình sử dụng vốn và làm báo cáo kiểm tra thực tế sử dụng vốn vay của khách hàng để đảm bảo khả năng trả nợ. Tuy nhiên, trong thời gian vay vốn khách hàng có những biến cố bất ngờ lâm vào cảnh khó khăn nên đã ngụy tạo chứng từ để sử dụng sai mục đích mà nhân viên Ngân hàng không phát hiện kịp thời khi kiểm tra đến khi phát sinh nợ khó đòi, nợ

xấu, nợ có khả năng mất vốn vì nguyên nhân sử dụng vốn sai mục đích. Kết quả trình bày ở bảng 3 cho thấy, có 60,67% ý kiến đồng ý khi sử dụng vốn sai mục đích, không có thiện chí trong việc trả nợ là nguyên nhân dẫn đến RRTD cho Ngân hàng ở mức cao và 12,66% ý kiến đồng ý đánh giá ở mức rủi ro rất cao. Bên cạnh đó, có 17,72% ý kiến cho rằng rủi ro ở mức trung bình và còn lại khoảng 5,06% có ý kiến cho rằng yếu tố này có mức độ rủi ro ở mức thấp và 3,8% có ý kiến đồng ý ở mức rủi ro rất thấp.

3.2.3. Các nguyên nhân từ phía Ngân hàng dẫn đến RRTD phát sinh

Yếu tố rủi ro nguyên nhân từ phía Ngân hàng dẫn đến RRTD phát sinh tại Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long được đánh giá qua 6 yếu tố: chưa tuân thủ chính sách tín dụng, quy chế và quy trình cho vay; thiếu thông tin về khách hàng khi thẩm định và phê duyệt cho vay vội vã dẫn đến quyết định sai lầm; trình độ chuyên môn của cán bộ tín dụng còn hạn chế, chưa đáp ứng; đạo đức nghề nghiệp của một bộ phận nhân viên tín dụng chưa tốt; thiếu kiểm tra, giám sát sau cho vay và bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ chưa hiệu quả mang tính hình thức.

Kết quả khảo sát đánh giá về mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân từ phía Ngân hàng ảnh hưởng đến RRTD phát sinh tại Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long được trình bày trong Bảng 4.

Bảng 4. Mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân từ phía Ngân hàng đến RRTD phát sinh

Yếu tố		Mức độ đánh giá					Tổng
		1	2	3	4	5	
Chưa tuân thủ chính sách tín dụng, quy chế và quy trình cho vay	Tần số	2	11	42	21	3	79
	(%)	2,53	13,92	53,16	26,58	3,80	100
Thiếu thông tin về khách hàng khi thẩm định và phê duyệt cho vay vội vã dẫn đến quyết định sai lầm	Tần số	1	3	24	46	5	79
	(%)	1,27	3,80	30,38	58,23	6,33	100
Trình độ chuyên môn của cán bộ tín dụng còn hạn chế, chưa đáp ứng	Tần số	0	4	15	50	10	79
	(%)	-	5,06	18,99	63,29	12,66	100
Đạo đức nghề nghiệp của một bộ phận nhân viên tín dụng chưa tốt	Tần số	0	7	16	41	15	79
	(%)	-	8,86	20,25	51,90	18,99	100
Thiếu kiểm tra, giám sát sau cho vay	Tần số	0	13	25	35	6	79
	(%)	-	16,46	31,65	44,30	7,59	100
Bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ chưa hiệu quả mang tính hình thức	Tần số	0	7	25	41	6	79
	(%)	-	8,86	31,65	51,90	7,59	100

Chưa tuân thủ chính sách tín dụng, quy chế và quy trình cho vay

Quy trình, quy chế trong Ngân hàng chưa đầy đủ, lỏng lẻo, thiếu tính bao quát,... đã dẫn đến nhiều rủi ro, thiệt hại cho Ngân hàng. Từ đó, các TCTD đã thành lập các phòng ban Pháp chế để nghiên cứu, rà soát các điều khoản luật để tiến hành soạn thảo, sửa đổi quy trình, quy chế, các sản phẩm,... ngày càng hoàn thiện, chặt chẽ. Việc tuân thủ quy trình, quy chế trong quá trình thẩm định cho vay nhằm hạn chế rủi ro trong quá trình

ra quyết định cho vay. Tuy nhiên, với nhiều lý do nguy hiểm như: áp lực chỉ tiêu, cạnh tranh giữa các TCTD, khách hàng khó tính,... mà CVKH đã hạ chuẩn so với quy định từ đó tiềm ẩn rủi ro trong quá trình cấp tín dụng. Kết quả trình bày ở Bảng 4 cho thấy, có 26,58% ý kiến được khảo sát đồng ý chưa tuân thủ chính sách tín dụng, quy chế và quy trình cho vay là nguyên nhân dẫn đến RRTD cho Ngân hàng ở mức cao và 3,8% ý kiến đồng ý đánh giá ở mức rủi ro rất cao. Bên cạnh đó, có 53,16% ý kiến cho rằng rủi ro ở mức trung bình và còn lại khoảng 13,92%

có ý kiến cho rằng yếu tố này có mức độ rủi ro ở mức thấp và 2,53% có ý kiến đồng ý ở mức rủi ro rất thấp.

Thiếu thông tin về khách hàng khi thẩm định và phê duyệt cho vay vội vã dẫn đến quyết định sai lầm

Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến việc thiếu thông tin về khách hàng khi thẩm định như: áp lực hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh, CVKH bị cuốn vào việc ưu tiên giải quyết hồ sơ mới chạy theo kế hoạch lơ là công tác xác minh thẩm định các hồ sơ tái cấp hoặc cấp bổ sung, cạnh tranh gay gắt giữa các TCTD dẫn đến yếu tố tâm lý ngại tiếp cận thu thập thông tin, dữ liệu vì sợ phật lòng mất khách hàng, tỷ lệ nhân sự nghỉ việc lại khá cao,... Để hoàn thành chỉ tiêu được giao, các Chi nhánh đã hạ thấp các điều kiện an toàn tín dụng để phục vụ và thu hút khách hàng mới. Hậu quả là khách hàng không đạt chuẩn ngày càng nhiều và nợ quá hạn có xu hướng tăng. Về phía người xét duyệt cho vay, cũng áp lực và gánh nặng tâm lý không thua kém CVKH, bên cạnh nhiều công việc khác cần giải quyết cấp bách và liên tục nên dễ dàng chấp nhận phê duyệt theo sự tin tưởng nhân viên. Mặt khác, người xét duyệt cũng dễ sai lầm khi đọc các thông tin về tài sản thế chấp, báo cáo kèm theo quá tốt,... mà thiếu sự đánh giá khách quan và khoa học, điều này đã dẫn đến những sai lầm gây tổn thất cho Ngân hàng. Kết quả trình bày ở Bảng 4 cho thấy, có đến 58,23% ý kiến được khảo sát đồng ý thiếu thông tin về khách hàng khi thẩm định và phê duyệt cho vay vội vã dẫn đến quyết định sai lầm là nguyên nhân dẫn đến RRTD cho Ngân hàng ở mức cao và 6,33% ý kiến đồng ý đánh giá

ở mức rủi ro rất cao. Bên cạnh đó, có 30,38% ý kiến cho rằng rủi ro ở mức trung bình và còn lại khoảng 3,8% có ý kiến cho rằng yếu tố này có mức độ rủi ro ở mức thấp và 1,27% có ý kiến đồng ý ở mức rủi ro rất thấp.

Trình độ chuyên môn của cán bộ tín dụng còn hạn chế, chưa đáp ứng

CVKH thiếu sự am tường về các đặc thù của ngành nghề kinh doanh của khách hàng, thiếu năng lực thẩm định, thiếu chuyên môn không tự tin trao đổi với khách hàng, thiếu sự trách nhiệm không xác minh lại thông tin hoặc thiếu sự phân tích tính hợp lý của thông tin tài liệu do khách hàng cung cấp, nên không thể đánh giá xác thực nhu cầu vốn cũng như xác định kỳ trả nợ phù hợp với hoạt động kinh doanh của khách hàng, nên không thể kiểm soát được toàn bộ việc sử dụng vốn vay của khách hàng, cũng như không hỗ trợ được khách hàng sử dụng vốn vay có hiệu quả từ đó dẫn đến rủi ro khi cấp phát tín dụng. Kết quả trình bày ở Bảng 4 cho thấy, có đến 63,29% ý kiến được khảo sát đồng ý trình độ chuyên môn của cán bộ tín dụng còn hạn chế, chưa đáp ứng là nguyên nhân dẫn đến RRTD cho Ngân hàng ở mức cao và 12,66% ý kiến đồng ý đánh giá ở mức rủi ro rất cao. Bên cạnh đó, có 18,99% ý kiến cho rằng rủi ro ở mức trung bình và còn lại khoảng 5,06% có ý kiến cho rằng yếu tố này có mức độ rủi ro ở mức thấp và không có ý kiến đồng ý ở mức rủi ro rất thấp.

Đạo đức nghề nghiệp của một bộ phận nhân viên tín dụng chưa tốt

Rủi ro do đạo đức của cán bộ làm công tác tín dụng và người đứng đầu cố ý làm

trái quy định trong hoạt động cho vay là yếu tố cần được quan tâm hàng đầu của các TCTD. Bởi vì, CVKH thiếu trung thực và có ý đồ gian lận, thông đồng với khách hàng thì nhà quản lý có thể không phát hiện ra được và dẫn đến rủi ro tổn thất rất lớn khi phát hiện. Một số vụ việc nợ xấu đã cần xử lý trong thời gian vừa qua và cả hiện tại ở Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long có liên quan đến sự tiếp tay của một số CVKH cùng với khách hàng làm sai lệch hồ sơ vay như cho vay nhiều hơn nhu cầu để đảo nợ cho Ngân hàng khác, cho vay Công ty sau thanh toán nợ cho Công ty trước với cùng một chủ hoặc một nhóm khách hàng, nâng cao giá tài sản thế chấp cầm cố lên quá cao so với thực tế để rút tiền Ngân hàng. Hậu quả là phải tăng tỷ lệ trích lập dự phòng cho các khoản tổn thất đang chờ xử lý, làm giảm lợi nhuận kinh doanh. Đạo đức của nhân viên là một trong các yếu tố tối quan trọng để giải quyết vấn đề hạn chế RRTD. Một nhân viên kém về năng lực có thể bồi dưỡng thêm, nhưng một nhân viên tha hóa về đạo đức mà lại giỏi về mặt nghiệp vụ thì thật vô cùng nguy hiểm khi được bố trí trong công tác tín dụng. Kết quả trình bày ở Bảng 4 cho thấy, có 51,90% ý kiến được khảo sát đồng ý yếu tố đạo đức nghề nghiệp của một bộ phận nhân viên tín dụng chưa tốt là nguyên nhân dẫn đến RRTD cho Ngân hàng ở mức cao và có đến 18,99% ý kiến đồng ý đánh giá ở mức rủi ro rất cao. Bên cạnh đó, có 20,25% ý kiến cho rằng rủi ro ở mức trung bình và còn lại khoảng 8,86% có ý kiến cho rằng yếu tố này có mức độ rủi ro ở mức thấp và không có ý kiến đồng ý ở mức rủi ro rất thấp.

Thiếu kiểm tra, giám sát sau cho vay

Kiểm tra giám sát sau cho vay là rất quan trọng để kiểm soát việc khách hàng sử dụng vốn vay đúng mục đích hay không và đánh giá cập nhật tình hình kinh doanh thực tế của khách hàng. Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long có quy định rõ về việc kiểm tra sau khi cho vay nhưng còn lỏng lẻo trong việc kiểm soát CVKH có tuân thủ giám sát sau khi cho vay hay không? Vì thế, các CVKH đã không thực hiện đầy đủ quy định này hoặc thực hiện mang tính chất hình thức qua loa, đối phó. Do đó, xảy ra tình trạng khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích dẫn đến khả năng không trả được nợ hoặc Ngân hàng không cập nhật được thực trạng hoạt động kinh doanh của khách hàng sau cho vay như thế nào để có biện pháp hỗ trợ khách hàng hoặc có giải pháp cắt giảm dư nợ kịp thời hạn chế rủi ro cho Ngân hàng. Kết quả trình bày ở Bảng 4 cho thấy, có 44,30% ý kiến đồng ý yếu tố thiếu kiểm tra, giám sát sau cho vay là nguyên nhân dẫn đến RRTD cho Ngân hàng ở mức cao và có đến 7,59% ý kiến đồng ý đánh giá ở mức rủi ro rất cao. Bên cạnh đó, có 31,65% ý kiến cho rằng rủi ro ở mức trung bình và còn lại khoảng 16,46% có ý kiến cho rằng yếu tố này có mức độ rủi ro ở mức thấp và không có ý kiến đồng ý ở mức rủi ro rất thấp.

Bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ chưa hiệu quả mang tính hình thức

Để kiểm soát tốt chất lượng tín dụng cũng như an toàn hệ thống Ngân hàng thì không thể thiếu Bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Cho dù cho vay đúng đối tượng, đúng mục đích, đúng phương án vay vốn khả thi nhưng nếu không kiểm

soát chặt chẽ quá trình các thủ tục đảm bảo tiền vay sẽ tạo ra sơ hở gây bất lợi cho Ngân hàng khi có tranh chấp. Thực tế, tại Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long, mỗi CVKH phải phụ trách hồ sơ nhiều, trong đó có nhiều khách hàng lớn, với áp lực phải phục vụ khách hàng nhanh chóng, làm hài lòng khách hàng, nên việc sai sót trong quá trình thủ tục cho vay và rủi ro xảy ra là điều khó tránh khỏi. Kết quả trình bày ở Bảng 4 cho thấy, có 51,90% ý kiến được khảo sát đồng ý Bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ chưa hiệu quả mang tính hình thức là nguyên nhân dẫn đến RRTD cho Ngân hàng ở mức cao và có đến 7,59% ý kiến đồng ý đánh giá ở mức rủi ro rất cao. Bên cạnh đó, có 31,65% ý kiến cho rằng rủi ro ở mức trung bình và còn lại khoảng 8,86% có ý kiến cho rằng yếu tố này có mức độ rủi ro ở mức thấp và không có ý kiến đồng ý ở mức rủi ro rất thấp.

3.3. Giải pháp quản trị rủi ro tín dụng tại Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long

Tín dụng là hoạt động chính của Ngân hàng. Quản trị RRTD tốt góp phần đáng kể trong việc tạo ra lợi nhuận và tăng tính an toàn vốn. Ngược lại, nếu quản lý RRTD kém, có thể gây ra tổn thất lớn và làm giảm giá trị của TCTD. Từ kết quả phân tích thực trạng về hoạt động tín dụng và công tác quản trị RRTD thông qua kết quả hoạt động kinh doanh của Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long, kết quả tổng hợp phân tích khảo sát các nguyên nhân gây ra RRTD và tham vấn ý kiến chuyên gia, bên cạnh các mục tiêu và định hướng của Sacombank, tác giả đề xuất một số giải pháp quản lý RRTD hiệu

quả nhằm hạn chế RRTD tại Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long như sau:

3.3.1. Nhận diện và phân loại rủi ro tín dụng

Thông tin là yếu tố quan trọng trong việc nhận ra và phòng ngừa RRTD trong Ngân hàng. Việc cung cấp thông tin kịp thời và chính xác đến các bộ phận trong quy trình cấp tín dụng là yếu tố quan trọng để nhận biết và phòng ngừa rủi ro trong quá trình cấp tín dụng cũng như trong hoạt động quản lý và thu hồi khoản cấp tín dụng. Nâng cao chất lượng bộ phận quản lý RRTD, bộ phận nghiên cứu, phân tích và dự báo rủi ro, bộ phận chuyên trách về quản lý RRTD bao gồm việc thu thập thông tin về khách hàng từ báo cáo của khách hàng cung cấp, từ các đối tác của khách hàng, từ những ngân hàng mà khách hàng có quan hệ, từ cơ quan quản lý khách hàng, từ Trung tâm Thông tin tín dụng (CIC). Bên cạnh thu thập thông tin về khách hàng, bộ phận quản lý rủi ro chuyên trách còn phải khai thác thông tin mang tính thị trường về ngành nghề sản phẩm, tình hình cung cầu, giá cả, cạnh tranh... Trên cơ sở những thông tin thu thập được, cần phân tích cẩn thận đầy đủ để cung cấp cho các bộ phận có liên quan như bộ phận thẩm định và các bộ phận khác trong quy trình cấp tín dụng, để họ có quyết định chính xác, tránh để xảy ra rủi ro do khách hàng dùng thủ đoạn lừa đảo, hoặc giúp Ban lãnh đạo đưa ra các quyết định đúng và kịp thời. Bên cạnh đó, bộ phận quản lý rủi ro cần xây dựng một hệ thống cảnh báo sớm liên quan đến các dấu hiệu của khách hàng và thị trường, dự báo diễn biến kinh tế từng ngành lĩnh vực tác động đến ngân hàng,

khách hàng vay vốn trên địa bàn. Từ đó đưa ra định hướng, chính sách cho từng ngành, lĩnh vực, cấp hạn mức tín dụng cụ thể để chủ động phòng tránh rủi ro, tránh những phản ứng quá chậm gây lúng túng trong công tác quản trị rủi ro của Ngân hàng.

Nhận dạng rủi ro là một quá trình liên tục và thường xuyên vì nguy cơ rủi ro luôn thay đổi. Nên kết hợp nhiều phương pháp để nhận dạng mọi rủi ro tiềm năng của Ngân hàng: (1) Phương pháp kiểm tra theo mẫu và đánh giá là phương pháp thông qua các câu hỏi về những vấn đề có thể xảy ra, để từ đó nhận dạng và đánh giá mức độ của từng loại rủi ro, (2) Xây dựng chương trình phần mềm chấm điểm khách hàng và xếp hạng tín dụng trên hệ thống và trực tuyến trong hệ thống hoặc tích hợp qua ứng dụng trên điện thoại di động thông minh để làm cơ sở cho việc khai thác thông tin khách hàng tại đơn vị.

3.3.2. Xây dựng chính sách tín dụng phù hợp với mức rủi ro tín dụng thấp

Ngân hàng cần xây dựng chính sách tín dụng phải rõ ràng, linh hoạt và phải phù hợp với mục tiêu hoạt động của ngân hàng. Việc phân tích, lựa chọn và thiết lập một danh mục tín dụng hợp lý nhằm đảm bảo RRTD ở mức thấp. Ngân hàng cần xây dựng danh mục cho vay theo nhiều tiêu chí khác nhau. Kết quả phân tích cho thấy mục đích sử dụng vốn vay, ngành nghề hoạt động của khách hàng có ảnh hưởng đến các mức RRTD. Vì thế, Ngân hàng cần xây dựng chính danh mục cho vay theo ngành kinh tế, danh mục cho vay theo mục đích sử dụng vốn vay. Bên cạnh đó, tài sản thế chấp là yếu tố ảnh hưởng làm giảm RRTD. Do vậy, chính sách cho

vay có tài sản bảo đảm là giải pháp phù hợp để giảm RRTD cho các khoản vay tại Ngân hàng.

Ngoài ra, Ngân hàng cần định hướng quản lý danh mục tín dụng theo hướng tăng tín dụng ngắn hạn và giảm tín dụng trung dài hạn trong danh mục; gia tăng tín dụng có tài sản đảm bảo hơn các khoản tín dụng không có tài sản đảm bảo.

3.3.3. Kiểm soát rủi ro tín dụng

Mục đích sử dụng vốn đúng với mục đích vay vốn đã được thẩm định trong quá trình vay vốn là yếu tố có ảnh hưởng đến RRTD. Mục đích sử dụng vốn khác nhau sẽ mang lại hiệu quả khác nhau, điều này ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nợ của khách hàng. Do vậy, để đảm bảo nguồn vốn vay được sử dụng đúng mục đích cần tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay của khách hàng và đôn đốc thu hồi nợ. Ngoài việc kiểm tra, giám sát đảm bảo nguồn vốn vay sử dụng đúng mục đích thì việc kiểm tra này giúp cho Ngân hàng nhận biết được những rủi ro có thể xảy ra trong quá trình sử dụng vốn của khách hàng. Từ đó có phương án hỗ trợ và xử lý kịp thời nhằm hạn chế RRTD trong quá trình sử dụng vốn, cụ thể:

Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long cần thực hiện giám sát chặt chẽ trong và sau cho vay: (1) Quy định chặt chẽ trách nhiệm của CVKH về việc giám sát sau khi cho vay. Thực hiện ngay việc giám sát và thu nhập các thông tin về tình hình tài chính và các thông tin cần thiết có liên quan khác của khách hàng để đánh giá, từ đó, có thể giám sát khoản vay một cách chặt chẽ; (2) Ngân hàng phải quản lý

được nguồn doanh thu của khách hàng. Trong hợp đồng tín dụng phải thỏa thuận được với khách hàng việc chuyển doanh thu và sử dụng các dịch vụ tại Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long, qua đó, có thể quan sát và theo dõi tình hình kinh doanh của khách hàng vừa kiểm soát được nguồn trả nợ, vừa tăng thu phí dịch vụ. Việc giải ngân bằng tiền mặt phải được hạn chế tối đa nhằm tránh việc khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích; (3) Giao trách nhiệm cho CVKH phải báo cáo kịp thời cho Ban lãnh đạo để có hướng giải quyết kịp thời và thích hợp, nếu phát hiện khách hàng có dấu hiệu bất thường, có khả năng ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của khoản vay.

Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ: Phòng KSRR cần đảm bảo việc định kỳ hàng tuần đánh giá chất lượng, hiệu quả các công tác tín dụng, giải ngân và giám sát khoản vay của CVKH, kiểm tra tính cập nhật, đầy đủ, chính xác của hệ thống lưu trữ thông tin. Nếu phát hiện sai sót, chưa phù hợp cần phải được báo cáo Ban lãnh đạo kịp thời và thực hiện điều chỉnh, bổ sung, khắc phục kịp thời.

Trong công tác kiểm tra nội bộ, ngoài thực hiện kiểm tra theo định kỳ, cần kiểm tra đột xuất, kiểm tra theo chuyên đề,... đánh giá việc thực thi các biện pháp quản lý nợ có vấn đề và khả năng thu hồi nợ. Công tác kiểm tra nội bộ cần thực hiện có trọng điểm, theo ngành nghề, lĩnh vực đang tiềm ẩn nguy cơ rủi ro để kịp thời chấn chỉnh và đề xuất các giải pháp để tăng cường khả năng phòng ngừa RRTD.

3.3.4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long với đội ngũ cán bộ được đánh giá là trẻ, ưu điểm là năng động và sáng tạo, tiếp thu nhanh những kiến thức mới và có khả năng thích ứng tốt với môi trường mới. Tuy nhiên, trong hoạt động tín dụng thì cán bộ trẻ tuổi cũng gây thách thức không nhỏ do còn thiếu kinh nghiệm, năng lực làm việc hạn chế. Do đó, ngân hàng cần có những chính sách đào tạo và đào tạo lại cho cán bộ tín dụng không phải chỉ về chuyên môn mà còn rèn luyện cả về đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm công việc. Qua đó, có thể vừa nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động tín dụng cũng như ngăn ngừa các vi phạm đạo đức của cán bộ. Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thì Ngân hàng cần làm tốt ngay từ khâu tuyển dụng cán bộ. Trong công tác này Ngân hàng cần đặt ra những tiêu chuẩn phù hợp và chặt chẽ. Ngân hàng nên có các chính sách tạo điều kiện cho đội ngũ nhân sự trẻ này có cơ hội học tập, nâng cao khả năng phân tích, khả năng điều tra và đàm phán với khách hàng, thường xuyên tuyên truyền, phổ biến tư tưởng cho người làm tín dụng, để mọi người hiểu và chấp hành đúng quy trình nghiệp vụ. Tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề, trao đổi về các tình huống tín dụng đã xảy ra để rút kinh nghiệm chung; tổ chức các buổi hội thảo, thảo luận về kiểm soát RRTD, nhấn mạnh các sai phạm và hậu quả gặp phải trong toàn hệ thống để phòng tránh. Quy định rõ trách nhiệm của CVKH về tính xác thực thông tin nêu ra trong báo cáo thẩm định, trách nhiệm kiểm tra, giám sát các khoản vay

do mình thâm định hoặc được phân công theo dõi.

Một công việc cũng cần quan tâm nữa là chính sách đãi ngộ đối với nhân viên. Các chính sách lương, thưởng, phạt phải được xây dựng thống nhất, hợp lý tạo được động lực cho nhân viên phấn đấu làm việc, kích thích sự sáng tạo và trách nhiệm công việc, bên cạnh đó cũng phải ngăn ngừa được các hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp của nhân viên. Để hạn chế RRTD cần nâng cao trách nhiệm của CVKH, gắn trách nhiệm với quyền lợi của nhân viên làm công tác tín dụng. Nên có chế độ thưởng phạt rõ ràng do CVKH luôn đối mặt với rủi ro cần phải có chế độ tiền lương đặt biệt để khuyến khích người làm công tác tín dụng tránh xảy ra rủi ro đạo đức nghề nghiệp.

Kinh nghiệm trong hoạt động tín dụng cũng là yếu tố rất quan trọng. Muốn có những khoản tín dụng thì phải xây dựng một đội ngũ CVKH vững vàng về chuyên môn và có trực giác nhạy bén. Do vậy, việc đào tạo cho CVKH phải chú trọng đến nghệ thuật cho vay, các nhân viên giàu kinh nghiệm có thể thường xuyên trao đổi kinh nghiệm với những nhân viên còn ít kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong hoạt động tín dụng.

3.3.5. Hiện đại hoá công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh tín dụng

Công nghệ hiện đại và phù hợp với tốc độ phát triển của Ngân hàng là một yếu tố hết sức cần thiết cho hoạt động Ngân hàng. Đặc biệt đối với hoạt động kinh doanh tín dụng, là hoạt động rất cần đến sự hỗ trợ của công nghệ thông tin hiện đại

và nhanh chóng trong quá trình thu thập và xử lý thông tin. Mặc dù thời gian qua, toàn hệ thống Sacombank đã đầu tư nâng cấp phần mềm hiện đại hoá Ngân hàng, tuy nhiên với thời buổi công nghệ phát triển nhanh không tưởng như hiện nay thì Sacombank cần đầu tư nhiều hơn nữa đối với hệ thống công nghệ Ngân hàng trong thời gian tới: (1) Tiếp tục đầu tư nâng cấp hoặc đầu tư mới máy móc thiết bị, trang bị thêm các thiết bị hiện đại, đủ công suất, thích hợp với chương trình phần mềm giao dịch, đảm bảo xử lý thông tin thông suốt ngay cả trong những tình huống phức tạp và giờ cao điểm; (2) Thực hiện giao dịch với khách hàng trực tuyến (online) nhằm đáp ứng một cách nhanh chóng các nhu cầu của khách hàng.

4. KẾT LUẬN

Mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân dẫn đến RRTD phát sinh tại Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long có ba nhóm: (1) Khách quan (2) Từ phía khách hàng (3) Từ phía Ngân hàng. Kết quả nghiên cứu thu được mức độ rủi ro của các nguyên nhân khách quan dẫn đến RRTD phát sinh thuộc mức rủi ro cao, trong đó yếu tố môi trường kinh tế bất ổn được cho rằng ảnh hưởng cao nhất dẫn đến RRTD. Kế đến là nhóm nguyên nhân từ phía khách hàng dẫn đến RRTD phát sinh tại Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long ở mức cao. Bên cạnh đó, các nguyên nhân từ phía Ngân hàng dẫn đến RRTD phát sinh được đánh giá ở mức độ rủi ro cao, ngoại trừ yếu tố chưa tuân thủ chính sách tín dụng, quy chế và quy trình cho vay có mức độ rủi ro được đánh giá ở mức trung bình.

Trên cơ sở kết quả đánh giá, các giải pháp quản lý RRTD hiệu quả nhằm hạn chế RRTD tại Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long được đề xuất như: (1) Nhận diện và phân loại RRTD, nâng cao chất lượng bộ phận quản lý RRTD, bộ phận nghiên cứu, phân tích và dự báo rủi ro, cung cấp cho các bộ phận có liên quan như bộ phận thẩm định và các bộ phận khác trong quy trình cấp tín dụng, để họ có quyết định chính xác, tránh để xảy ra rủi ro. Nhận dạng rủi ro theo phương pháp kiểm tra theo mẫu và đánh giá hoặc xây dựng chương trình phần mềm chấm điểm khách hàng và xếp hạng tín dụng trên hệ thống; (2) Xây dựng chính sách tín dụng phù hợp với mức RRTD thấp và định hướng quản lý danh mục tín dụng theo hướng tăng tín dụng ngắn hạn và giảm tín dụng trung dài hạn trong danh mục; (3) Kiểm soát RRTD, giám sát chặt chẽ trong và sau cho vay, tăng cường công tác kiểm tra nội bộ thực hiện kiểm tra theo định kỳ, cần kiểm tra đột xuất, kiểm tra theo chuyên đề; (4) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo, hội thảo, trao đổi tình huống. Bên cạnh đó là chính sách đãi ngộ đối với cán bộ; (5) Hiện đại hoá công nghệ Ngân hàng trong hoạt động kinh doanh tín dụng, minh bạch trong rủi ro, không tranh giành khách hàng dẫn đến cạnh tranh không lành mạnh... cũng là các giải pháp hỗ trợ xoay quanh các nhóm giải pháp của tác giả.

Quản trị rủi ro là chiến lược không thể thiếu trong chiến lược kinh doanh của tất cả tổ chức tín dụng, đặc biệt là đối với Sacombank. Nhìn chung, nghiên cứu đã giải quyết được mục tiêu đặt ra, đó là tìm

ra được 03 nhóm nguyên nhân khách quan, từ phía ngân hàng, từ phía khách hàng đã ảnh hưởng đến quản trị RRTD tại Sacombank - Chi nhánh Vĩnh Long.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Kiện Văn, Lê Danh Đồng và Trương Thị Kim, 2021. Nghiên cứu Hoàn thiện quản trị rủi ro, tín dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Chi nhánh Cần Thơ (SCB Cần Thơ) từ phân tích một dự án đầu tư thuộc Nhà máy chế biến thủy sản An Phước. Tạp chí nghiên cứu khoa học và phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô, số 13, trang 128-143.
2. Lê Thu Hương, 2019. Đánh giá về hoạt động quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng. Tạp chí Tạp chí Kinh tế và Dự báo. Số 9: 91-93.
3. Lê Thị Ngọc, 2020. Mô hình xếp hạng tín dụng khách hàng doanh nghiệp theo ngành nghề. Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Kiểm toán, số 152, trang 52-57.
4. Lê Khương Ninh và Lâm Thị Bích Ngọc, 2012. Rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các chi nhánh Ngân hàng đầu tư và Phát triển Việt Nam ở Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí công nghệ Ngân hàng, số 73, trang 3-2.
5. Nguyễn Thị Trà My, 2021. Giải pháp hạn chế rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An. Tạp chí Kinh tế Công nghệ. Số 26: 56-62.

6. Nguyễn Tuấn Anh, 2012. Quản trị rủi ro trong kinh doanh của ngân hàng thương mại Việt Nam theo Hiệp ước Basel II. Luận án Tiến sỹ. Đại học kinh tế Quốc dân.
7. Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh, 2017. Quản trị rủi ro tín dụng ở các ngân hàng thương mại: Kinh nghiệm của Mỹ và một vài gợi ý cho Việt Nam, <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/quan-tri-rui-ro-tin-dung-o-cac-nhtm-kinh-nghiem-cua-my-va-mot-vai-goi-y-cho-viet-nam-47161.htm>. Ngày truy cập 19/04/2017.
8. Nguyễn Văn Tiến, 2015. Giáo trình Quản trị ngân hàng thương mại. Nhà xuất bản thống kê, Tp. Hồ Chí Minh.
9. Nguyễn Thị Trà My, 2021. Giải pháp hạn chế rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An. Tạp Chí Kinh Tế Công Nghệ, Số 26, trang 56-62.
10. Phan Đình Khôi và Nguyễn Việt Thành, 2017. Các yếu tố vi mô ảnh hưởng rủi ro tín dụng: Trường hợp các ngân hàng thương mại nhà nước ở Hậu Giang. Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ. Tập 48 phần D, trang 104-111.
11. Phước Minh Hiệp, Kiên Xanh, 2019. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị RRTD tại Vietinbank Trà Vinh. Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 30, trang 24-28.
12. Phan Thị Hoàng Yến, 2021. Khó khăn trong quản lý rủi ro hoạt động tại ngân hàng thương mại Việt Nam. Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ, số 6, trang 25-31.
13. Trần Huy Hoàng, 2011. Giáo trình quản ngân hàng thương mại. Nhà xuất bản lao động xã hội, Tp. Hồ Chí Minh.
14. Trương Đông Lộc, 2010. Các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại nhà nước ở các khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí kinh tế phát triển, số 156, trang 49-51.
15. Trương Đông Lộc và Nguyễn Thị Tuyết, 2011. Các nhân tố ảnh hưởng đến RRTD của Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Thành phố Cần Thơ. Tạp chí Ngân hàng, số 5, trang 38 – 41.
16. Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của Thống đốc NHNN Việt Nam về việc “Quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài”.

CREDIT RISK MANAGEMENT IN SACOMBANK - VINH LONG BRANCH

Cao Hong Son* and Nguyen Ngoc Minh
Tay Do University
(*Email: caohongson873@gmail.com)

ABSTRACT

The objectives of the study were to find out factors affecting credit risk management and propose solutions for credit risk management at Sacombank - Vinh Long Branch. The data of the study were collected by group discussion method and a direct survey of 79 managers and customer specialists related to credit extension at Sacombank - Vinh Long Branch. The analytical methods used include theoretical analysis and synthesis method, comparative method, descriptive statistical method and expert consultation method. In addition, the topic uses a Likert scale from 1 to 5. Research results have shown that three groups of risks affect credit risk management at Sacombank - Vinh Long Branch, namely objective causes, customer causes, and bank-driven causes. From there, some solutions are proposed for each group to limit credit risks and improve credit risk management activities at Sacombank - Vinh Long Branch: (1) Identifying and classifying credit risks; (2) Developing credit policy suitable for low credit risk; (3) Controlling credit risk; (4) Improving the quality of human resources; (5) Modernizing information technology in credit business activities.

Keywords: Credit risk, management, Sacombank - Vinh Long Branch